THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

		Ngày 30/06/2022	Ngày 01/01/2022
Tiền mặt tại quỹ	(i)	147,371,130	158,583,631
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	46,440,191	170,527,695
Các khoản tương đương tiền	(iii)	-	
Cộng		**193,811,321**	**329,111,326**

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ bao gồm:

	Ngày 30/06/2022	Ngày 01/01/2022
- Văn phòng Công ty	138,953,435	**148,665,936**
- Chi nhánh CTCP Thuốc Thú y TW I tại Đà Nẵng	653,920	**2,153,920**
- Chi nhánh CTCP Thuốc Thú y TW I tại Hồ Chí Minh	7,763,775	7,763,775
Cộng	**147,371,130**	**158,583,631**

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại bao gồm:

	Ngày 30/06/2022	Ngày 01/01/2022
- Văn phòng Công ty	32,880,461	155,203,573
- Chi nhánh CTCP Thuốc Thú y TW I tại Đà Nẵng	500,000	-
- Chi nhánh CTCP Thuốc Thú y TW I tại Hồ Chí Minh	13,059,730	15,324,122
Cộng	46,440,191	**170,527,695**

Ngoại tệ các loại:

Dollar Mỹ (USD)	569.17	575.77

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

2. *Phải thu khách hàng*

2.1 *Phải thu của khách hàng ngắn hạn*

	Ngày 30/06/2022		Ngày 01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I	**1,040,177,670**	**(1,040,177,670)**	**1,120,072,170**	**(1,120,072,170)**
Công ty CP giống vật nuôi & cây trồn	79,818,093	(79,818,093)	79,818,093	(79,818,093)
Các đối tượng khác	960,359,577	(960,359,577)	974,977,600	(974,977,600)
Chi nhánh CTCP Thuốc Thú y TW1 tại Đà Nẵng	**202,160,483**	**(202,160,483)**	**202,160,483**	**(202,160,483)**
- Đại Lý Nguyễn Quang	73,912,501	(73,912,501)	73,912,501	(73,912,501)
- Nguyễn Ngọc Cường	32,546,627	(32,546,627)	32,546,627	(32,546,627)
Các đối tượng khác	95,701,355	(95,701,355)	95,701,355	(95,701,355)
Chi nhánh CTCP Thuốc Thú y TW1 tại Hồ Chí Minh	**473,524,480**	**(473,524,480)**	**473,524,480**	**(473,524,480)**
- Trần Thị Nhung	57,573,810	(57,573,810)	57,573,810	(57,573,810)
- Lê Thị Hương	40,525,540	(40,525,540)	40,525,540	(40,525,540)
- Lê Đức Hùng	65,716,994	(65,716,994)	65,716,994	(65,716,994)
Các đối tượng khác	309,708,136	(309,708,136)	309,708,136	(309,708,136)
Cộng	**1,715,862,633**	**(1,715,862,633)**	**1,795,757,133**	**(1,795,757,133)**

2.2 *Phải thu của khách hàng dài hạn*

	Ngày 30/06/2022		Ngày 01/01/2022
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW 1	14,793,129,132		14,793,129,132
Cộng	**14,793,129,132**		**14,793,129,132**
Tổng cộng	**16,508,991,765**	**(1,715,862,633)**	**16,588,886,265**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

3. *Trả trước cho người bán ngắn hạn*

3.1 *Trả trước cho người bán ngắn hạn*

	Ngày 30/06/2022		Ngày 01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòi	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I	**679,354,252**	**(679,354,252)**	**679,354,252**	**(679,354,252)**
- Công ty CP Công nghệ Hoàng Hải	*549,354,252*	**(549,354,252)**	*549,354,252*	*(549,354,252)*
- Công ty CP ĐT XD&TM Ao Sen	*130,000,000*	**(130,000,000)**	*130,000,000*	*(130,000,000)*
- Guangdong Dahuanong Animail health .,Ltd				
- Các đối tượng khác				
Cộng	**679,354,252**	**(679,354,252)**	**679,354,252**	**(679,354,252)**

3.2 *Trả trước người bán với các bên có liên quan*

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

4. *Các khoản phải thu khác*

4.1 *Phải thu khác ngắn hạn*

	Ngày 30/06/2022		Ngày 01/01/2022	
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I	**28,145,822,154**	**(2,691,686,118)**	**23,782,246,330**	**(2,691,686,118)**
- Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1	*24,816,756,328*		*23,144,866,622*	
- Lê Hữu Tuấn	*637,379,708*		*637,379,708*	
- Nguyễn huy Đức	*629,034,000*	*(629,034,000)*	*629,034,000*	*(629,034,000)*
- Đỗ Hoàng Hòa	*912,020,000*	*(912,020,000)*	*912,020,000*	*(912,020,000)*
- Tạm ứng	*25,484,148*	*(25,484,148)*	*25,484,148*	*(25,484,148)*
- Phải thu khác	*1,125,147,970*	*(1,125,147,970)*	*1,125,147,970*	*(1,125,147,970)*
CN CTCP Thuốc Thú y TWI tại Hồ Chí Minh	**814,709,474**	**(814,709,474)**	**814,709,474**	**(814,709,474)**
- Lê Đức Hùng	*472,000,000*	(472,000,000)	*472,000,000*	*(472,000,000)*
- Tạm ứng	*299,208,492*	(299,208,492)	*299,208,492*	*(299,208,492)*
- Phải thu khác	*43,500,982*	(43,500,982)	*43,500,982*	*(43,500,982)*
CN CTCP Thuốc Thú y TWI tại Đà Nẵng	**1,545,358**	**(1,545,358)**	**1,545,358**	**(1,545,358)**
Tạm ứng	*1,545,358*	(1,545,358)	*1,545,358*	*(1,545,358)*
Các đối tượng khác				
Cộng	**28,962,076,986**	**(3,507,940,950)**	**24,598,501,162**	**(3,507,940,950)**

4. *Các khoản phải thu khác*

4.2 *Phải thu khác dài hạn*

	Ngày 30/06/2022	Ngày 01/01/2022
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1	-	-
- Ký cược, ký quỹ		
Cộng	-	-

4.3 *Phải thu khác với các bên có liên quan*

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

5. Nợ xấu

	Ngày 30/06/2022		Ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I	**5,903,157,835**	-	**5,903,157,835**	-
Phải thu khách hàng	**1,715,862,633**		**1,715,862,633**	-
+ Đại lý Triệu Thị Thu Chúc		-		-
+ Đại lý Trần Văn Điệp	*65,276,477*	-	*65,276,477*	-
+ Đại lý Nguyễn Văn Thiên	*29,920,213*	-	*29,920,213*	-
+ Đại lý Lê Xuân Hà		-		-
+ Đại lý Nguyễn Quang	*73,912,501*	-	*73,912,501*	-
+ Đại lý Nguyễn Ngọc Cường	*32,546,627*	-	*32,546,627*	-
+ Các đối tượng khác	*1,514,206,815*		*1,514,206,815*	-
Trả trước cho người bán	**679,354,252**	-	*679,354,252*	-
+ Công ty CP Công Nghệ Hoàng Hải	*549,354,252*	-	*549,354,252*	-
+ Công ty CP ĐT XD&TM Ao Sen	*130,000,000*	-	*130,000,000*	-
+ Guangdong Dahuanong Animail health, Ltd		-		-
Phải thu khác	**3,181,702,952**	-	**3,181,702,952**	-
+ Nguyễn Huy Đức	*629,034,000*	-	*629,034,000*	-
+ Đỗ Hoàng Hòa	*912,020,000*	-	*912,020,000*	-
+ Mỵ Duy Thắng	*320,664,196*	-	*320,664,196*	-
+ Đặng Văn Dũng	*284,486,568*	-	*284,486,568*	-
+ Các đối tượng khác	*1,035,498,188*	-	*1,035,498,188*	-
Tạm ứng	**326,237,998**	-	**326,237,998**	-
+ Lê Đức Linh	-	-	-	-
+ Các đối tượng khác	*326,237,998*	-	*326,237,998*	-
Cộng	**5,903,157,835**	-	**5,903,157,835**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

6. *Các khoản đầu tư tài chính*

6.1 Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 30/06/2022			Ngày 01/01/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	49,977,375,613		49,977,375,613	49,977,375,613	-	49,977,375,613
Công ty CP Giống gia cầm Lương Mỹ	866,640,000	(866,640,000)	-	866,640,000	(866,640,000)	-
	-	-	-			-
Cộng	**50,844,015,613**	**(866,640,000)**	-	**50,844,015,613**	**(866,640,000)**	-

Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

	Ngày 30/06/2022	Năm trước
Dự phòng giảm giá các khoản ĐTDH đầu kỳ	(866,640,000)	(866,640,000)
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Trừ: SD và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	
Dự phòng giảm giá các khoản ĐTDH cuối kỳ	(866,640,000)	(866,640,000)

7. *Hàng tồn kho*

		-		-
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm (*)				
Hàng hoá				
Cộng	-	-	-	-

8. *Chi phí trả trước*

		-	-
8.1	*Chi phí trả trước ngắn hạn*		
	- Công cụ dụng cụ		
	Cộng		
8.2	*Chi phí trả trước dài hạn*		
	- Công cụ dụng cụ		
	- Chi phí sửa chữa TSCĐ		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

9. *Tăng giảm tài sản cố định hữu hình*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc, trang thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị dụng cụ quản lý*	*TSCĐ hữu hình khác*	*Tổng cộng*
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2022	8,862,709,301	2,659,690,690	2,263,650,080	873,247,084		14,659,297,155
Mua trong kỳ	-			-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-		-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-		-	-	-
Giảm khác						
Tại ngày 30/06/2022	**8,862,709,301**	**2,659,690,690**	**2,263,650,080**	**873,247,084**	**-**	**14,659,297,155**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2022	4,201,030,906	2,560,166,960	2,114,385,277	755,681,823	-	9,631,264,966
Khấu hao trong năm	152,058,456	26,190,446	55,153,710	8,397,522		241,800,134
Khấu hao trong năm					-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư					-	-
Thanh lý, nhượng bán					-	-
Giảm khác					-	-
Tại ngày 30/06/2022	**4,353,089,362**	**2,586,357,406**	**2,169,538,987**	**764,079,345**	**-**	**9,873,065,100**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2022	**4,661,678,395**	**99,523,730**	**149,264,803**	**117,565,261**	**-**	**5,028,032,189**
Tại ngày 30/06/2022	**4,509,619,939**	**73,333,284**	**94,111,093**	**109,167,739**	**-**	**4,786,232,055**

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng 6,393,328,599 đồng

Nguyên giá TSCĐ tạm thời không sử dụng: - đồng

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay: 4,509,619,939 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

10. *Tăng giảm tài sản cố định vô hình*

	Phần mềm kế toán	*Quyền sử dụng đất*	*Tổng cộng*
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2022	59,500,000		59,500,000
Tăng khác		-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Tại ngày 30/06/2022	**59,500,000**	**-**	**59,500,000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2022	59,500,000		59,500,000
Khấu hao trong năm			-
Tăng khác	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 30/06/2022	**59,500,000**	**-**	**59,500,000**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2022	-	-	-
Tại ngày 30/06/2022	-	-	-

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: *59.500.000 đồng*

11. *Phải trả người bán*

11.1 *Phải trả người bán ngắn hạn*

	Ngày 30/06/2022		**Ngày 01/01/2022**	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Công ty CP Thuốc Thú y Trung ương I	**9,287,219,307**	-	**10,533,637,710**	-
- Công ty TNHH công trình thiết kế Nam Ninh	*1,790,324,060*		*1,790,324,060*	
- Công ty cp Thành Nhơn	1,529,827,064		*1,829,827,064*	
- Công ty CP sản xuất & TM Thái Sơn	*2,154,287,641*		*2,154,287,641*	
- Các đối tượng khác	*3,812,780,542*		*4,759,198,945*	
CN CTCP Thuốc Thú y TW I tại Đà Nẵng	**5,171,180,723**	***5,171,180,723***	**5,171,180,723**	*5,171,180,723*
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW 1	5,171,180,723	*5,171,180,723*	5,171,180,723	*5,171,180,723*
CN CTCP Thuốc Thú y TW I tại TP HCM	**2,521,723,543**	**2,499,323,543**	**2,521,723,543**	**2,499,323,543**
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW 1	2,499,323,543	2,499,323,543	2,499,323,543	2,499,323,543
- Các đối tượng khác	*22,400,000*		*22,400,000*	
Cộng	**16,980,123,573**	**7,670,504,266**	**18,226,541,976**	**7,670,504,266**

11.2 *Phải trả người bán với bên có liên quan*

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

12. *Người mua trả tiền trước*

12.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Ngày 30/06/2022		Ngày 01/01/2022	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Công ty CP Thuốc Thú y Trung ương I	**21,932,764**	-	21,932,764	-
- Cục Thú Y		-		-
- Phải trả cho các đối tượng khác	*21,932,764*		*21,932,764*	
CN CTCP Thuốc Thú y TW I tại Đà Nẵng	-	-	-	-
CN CTCP Thuốc Thú y TW I tại TP HCM	**23,055,159**	-	23,055,159	-
- Trung tâm NC & PT Chăn nuôi Heo Bình Thắng	*14,962,500*		*14,962,500*	
- Phải trả cho các đối tượng khác	*8,092,659*		*8,092,659*	
Cộng	**44,987,923**	-	**44,987,923**	-

12.2 Người mua trả tiền trước với các bên liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

13. *Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*

13.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Ngày 01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ và được khấu trừ	Ngày 30/06/2022
Thuế giá trị gia tăng	314,456,444	219,863,635	(147,817,024)	386,503,055
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1,570,345,288	13,736,260	(20,877,460)	1,563,204,088
Thuế tài nguyên		-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	327,498,756	(327,498,756)	-
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	-	5,000,000	(5,000,000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	81,122,298	-	-	81,122,298
Cộng	**1,965,924,030**	**566,098,651**	**(501,193,240)**	**2,030,829,441**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

14. *Chi phí phải trả*

	Ngày 30/06/2022	Ngày 01/01/2022
- Chi phí phải trả CBCNV	*1,666,406,500*	*1,666,406,500*
- Phí chuyển nhượng QSD đất tại Đà Nẵng	-	-
- Chi phí trích trước tiền điện	120,522,580	25,581,920
Cộng	**1,786,929,080**	**1,691,988,420**

15. *Phải trả khác*

15.1 *Phải trả ngắn hạn khác*

	Ngày 30/06/2022		Ngày 01/01/2022	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
- Kinh phí công đoàn	45,632,883	45,632,883	45,632,883	45,632,883
- Bảo hiểm xã hội	18,993,553	18,993,553	15,533,203	15,533,203
- Bảo hiểm y tế	3,619,015	3,619,015	3,004,192	3,004,192
- Bảo hiểm thất nghiệp	1,812,425	1,812,425	1,765,131	1,765,131
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4,424,603,908	-	4,524,603,908	-
Công ty CP Thuốc Thú y Trung ương I	**3,565,577,978**		**3,665,577,978**	
+ Tiền khấu trừ thuế TNCN của khách lẻ	*390,212,000*		*390,212,000*	
+ Ông Nguyễn Anh Tuấn (*)	*700,000,000*		*700,000,000*	
+ Ông Lê Anh Tuấn	*136,723,837*		*136,723,837*	
+ Các đối tượng khác	*2,338,642,141*		*2,438,642,141*	
CN CTCP Thuốc Thú y TW I tại Đà Nẵng	**91,340,670**		**91,340,670**	
+ Chi cục chăn nuôi và thú y tỉnh Quảng Nam	*81,000,000*		*81,000,000*	
+ Chi cục chăn nuôi và thú y tỉnh Đà Nẵng	*10,340,670*		*10,340,670*	
CN CTCP Thuốc Thú y TW I tại TP HCM	**767,685,260**		**767,685,260**	
+ Các đối tượng khác	*767,685,260*		*767,685,260*	
Cộng	**4,494,661,784**	**70,057,876**	**4,590,539,317**	**65,935,409**

(*): Đây là khoản ông Tuấn cho Công ty mượn tiền để nộp các khoản thuế không có thời hạn và không tính lãi.

15.2 *Phải trả dài hạn khác*

	Ngày 30/06/2022		Ngày 01/01/2022	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả dài hạn khác				
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	***599,000,000***		599,000,000	
Công ty cổ phần SUNSHINE VIỆT NAM	*19,000,000*		19,000,000	
Công ty cp thế giới di động - CN Hà nội	*580,000,000*		580,000,000	
Cộng	**599,000,000**	-	**599,000,000**	-
Cộng	**5,093,661,784**	**70,057,876**	**5,189,539,317**	**65,935,409**